

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3737/QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày 20 tháng 11 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định hướng dẫn thực hiện Nghị quyết số 86/2018/NQ-HĐND ngày 18/7/2018 của HĐND tỉnh về một số chính sách phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2025 và những năm tiếp theo

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26/11/2014;

Căn cứ Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ngày 12/6/2017;

Căn cứ Nghị quyết số 86/2018/NQ-HĐND ngày 18/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh khóa XVII về một số chính sách phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2025 và những năm tiếp theo;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 305/TTr-SCT ngày 07/11/2019; của Sở Tài chính tại văn bản số 4273/STC-TCĐT ngày 31/10/2019; của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại văn bản số 2788/SKHĐT-TH ngày 06/11/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định hướng dẫn thực hiện Nghị quyết số 86/2018/NQ-HĐND ngày 18/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về một số chính sách phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2025 và những năm tiếp theo.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành;

Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh; Giám đốc Sở, ngành: Công Thương, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Giao thông - vận tải, Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, Cục Thuế tỉnh, Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Chánh VP, các Phó Văn phòng;
- Trung tâm TT-CB-TH tỉnh;
- Lưu: VT, KT₁.



**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Dương Tất Thắng

QUY ĐỊNH

Hướng dẫn thực hiện Nghị quyết số 86/2018/NQ-HĐND ngày 18/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về một số chính sách phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2025 và những năm tiếp theo (kèm theo Quyết định số 337/QĐ-UBND ngày 20/11/2019 của UBND tỉnh)

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi, đối tượng, nguyên tắc và nguồn vốn

Thực hiện theo quy định tại Điều 1, Điều 2, Điều 3 Nghị quyết số 86/2018/NQ-HĐND ngày 18/7/2018 của HĐND tỉnh về một số chính sách phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2025 và những năm tiếp theo. Trong đó, về nguồn vốn ngân sách tỉnh: Không nhỏ hơn 1% dự toán thu nội địa phân ngân sách tỉnh hưởng trên địa bàn (được bố trí từ nguồn vốn xây dựng cơ bản tập trung trong kế hoạch đầu tư công trung hạn, nguồn tiền đất tỉnh hưởng và nguồn chi thường xuyên trong dự toán chi ngân sách tỉnh hàng năm).

Điều 2. Lập, xây dựng, tổng hợp, quyết định và giao dự toán từ nguồn ngân sách nhà nước

1. Lập, xây dựng, tổng hợp, quyết định và giao dự toán ngân sách nhà nước (bao gồm chi thường xuyên và chi đầu tư công) trung hạn và hằng năm:

Thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các Nghị định: Số 77/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016, số 45/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017, số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 của Chính phủ.

Căn cứ Nghị quyết số 86/2018/NQ-HĐND và hướng dẫn tại Văn bản này, các đơn vị lập danh mục kèm dự toán gửi Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh (đối với khu công nghiệp) và UBND huyện, thị xã, thành phố (đối với cụm công nghiệp).

Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh và UBND huyện, thị xã, thành phố (UBND cấp huyện) lập, xây dựng, tổng hợp nhu cầu vốn, gửi Sở Công Thương để xây dựng kế hoạch trung hạn và hằng năm gửi Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định, tham mưu kế hoạch trung hạn và bố trí kế hoạch vốn hằng năm theo khả năng cân đối ngân sách.

a) Đối với nguồn vốn chi thường xuyên: Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra, tổng hợp danh mục kèm dự toán, gửi Sở Tài chính thẩm định, tham mưu thực hiện theo khả năng cân đối ngân sách trung hạn và hằng năm.

b) Đối với nguồn vốn đầu tư công (ưu tiên trả nợ vốn ứng trước cho Nhà

đầu tư) để thực hiện các dự án hạ tầng kỹ thuật ngoài khu, cụm công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật kết nối trong và ngoài khu, cụm công nghiệp: Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra, tổng hợp danh mục kèm dự toán, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định, tham mưu thực hiện theo khả năng cân đối ngân sách trung hạn và hằng năm.

c) Riêng đối với nguồn vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng cho khu, cụm công nghiệp được bố trí từ nguồn tiền cấp quyền sử dụng đất phần ngân sách tỉnh hưởng trong dự toán chi ngân sách tỉnh hàng năm.

Trường hợp ngân sách tỉnh chưa có điều kiện bố trí hỗ trợ công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng: UBND cấp huyện chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên lập kế hoạch ứng vốn bồi thường, giải phóng mặt bằng từ Quỹ phát triển đất của tỉnh và chịu trách nhiệm đề xuất hoàn trả cho Quỹ phát triển đất theo quy định.

2. Phân bổ dự toán chi tiết

Căn cứ Quyết định giao dự toán thu, chi và phân bổ ngân sách nhà nước hàng năm của UBND tỉnh, Sở Công Thương rà soát, lập danh mục gửi Sở Tài chính thẩm định, tham mưu phân bổ chi tiết (đối với chi thường xuyên, nguồn tiền cấp quyền sử dụng đất phần ngân sách tỉnh hưởng), Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định, tham mưu phân bổ chi tiết (đối với chi đầu tư công) để thực hiện chính sách trong năm, trong đó ưu tiên bố trí vốn để hoàn trả vốn ứng cho Nhà đầu tư và trả nợ các công trình xây dựng đã triển khai.

Chương II

HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP, CỤM CÔNG NGHIỆP

Mục 1

ƯU ĐÃI VỀ TIỀN THUÊ ĐẤT, THUÊ MẶT NƯỚC, HỖ TRỢ CÔNG TÁC BỒI THƯỜNG, GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG

Điều 3. Ưu đãi tiền thuê đất, thuê mặt nước

1. Nội dung và mức hỗ trợ: Thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 5, Nghị quyết số 86/2018/NĐ-HĐND ngày 18/7/2018 của HĐND tỉnh.

2. Quy trình thực hiện:

a) Nộp hồ sơ:

- Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp hoặc chủ dự án đầu tư sản xuất kinh doanh trong khu công nghiệp lập hồ sơ đề nghị miễn, giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước gửi về Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh.

- Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp hoặc chủ dự án đầu tư sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp lập hồ sơ đề nghị miễn, giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước gửi về cơ quan Thuế.

b) Thâm định:

- Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, phối hợp Cục Thuế tỉnh thẩm định hồ sơ và ra quyết định miễn, giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước theo quy định tại Nghị định số 35/2017/NĐ-CP ngày 03/4/2017 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn có liên quan đối với khu công nghiệp

- Cơ quan Thuế tiến hành thẩm định hồ sơ và ra quyết định miễn, giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước theo quy định tại Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 6/11/2013 và Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính đối với cụm công nghiệp.

3. Hồ sơ:

- Đối với khu công nghiệp: Hồ sơ thực hiện theo quy định tại Nghị định số 35/2017/NĐ-CP ngày 03/4/2017 của Chính phủ và các văn bản khác có liên quan.

- Đối với cụm công nghiệp: Hồ sơ thực hiện theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý Thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý Thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ.

Điều 4. Hỗ trợ kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng

1. Nội dung và mức hỗ trợ: Thực hiện theo quy định tại Điều 6 Nghị quyết số 86/2018/NĐ-HĐND ngày 18/7/2018 của HĐND tỉnh.

2. Quy trình thực hiện: UBND cấp huyện, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh lập hồ sơ đề nghị hỗ trợ vốn bồi thường, giải phóng mặt bằng gửi về Sở Công thương tổng hợp gửi Sở Tài chính, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương và các cơ quan liên quan kiểm tra, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

3. Hồ sơ:

a) Thành phần:

- Tờ trình đề nghị hỗ trợ theo mẫu được ban hành kèm theo Quy định này.
- Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (bản sao có chứng thực).
- Quyết định thành lập khu, cụm công nghiệp; Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (bản sao có chứng thực).
- Các hồ sơ, tài liệu có liên quan khác (nếu có).

b) Số lượng hồ sơ: 03 bộ.

Mục 2
HỖ TRỢ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT NGOÀI KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP VÀ HẠ TẦNG KỸ THUẬT KẾT NỐI TRONG VÀ NGOÀI KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Điều 5. Hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật ngoài khu, cụm công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật kết nối trong và ngoài khu, cụm công nghiệp

1. Nội dung và mức hỗ trợ: Thực hiện theo khoản 1 Điều 7 Nghị quyết số 86/2018/NQ-HĐND ngày 18/7/2018 của HĐND tỉnh.

2. Quy trình thực hiện:

2.1. Căn cứ Quyết định của cấp có thẩm quyền về kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn và hằng năm tại điều 2 Quy định này, Chủ đầu tư thực hiện đúng trình tự quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật theo quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng.

2.2. Trường hợp Nhà đầu tư ứng trước vốn (không được tính lãi) để Chủ đầu tư (Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh và UBND cấp huyện) đầu tư các dự án hạ tầng kỹ thuật ngoài khu công nghiệp, cụm công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật kết nối trong và ngoài khu công nghiệp, cụm công nghiệp thì được UBND tỉnh bố trí vốn đầu tư công hoàn trả cho Nhà đầu tư.

Về thời gian hoàn trả hết vốn ứng trước của Nhà đầu tư: Chậm nhất trong vòng 24 tháng kể từ ngày dự án, công trình, hạng mục công trình độc lập hoàn thành được cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán ký nhận hồ sơ thẩm tra quyết toán. Thời gian lập, thẩm tra, phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành theo hướng dẫn hiện hành của Bộ Tài chính.

2.3. Hoàn trả vốn ứng cho nhà đầu tư:

a) Trình tự thực hiện:

- Chủ đầu tư lập tờ trình kèm hồ sơ đề nghị hoàn trả vốn đầu tư ứng trước của Nhà đầu tư gửi Sở Công Thương;

- Sở Công Thương kiểm tra, tổng hợp gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư;

- Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các đơn vị có liên quan soát xét, tổng hợp trình UBND tỉnh xem xét, quyết định bố trí vốn để hoàn trả cho Nhà đầu tư; Chủ đầu tư chuyển trả vốn ứng và thanh lý hợp đồng vốn ứng cho nhà đầu tư.

b) Thành phần hồ sơ do Chủ đầu tư cung cấp:

- Tờ trình đề nghị hoàn trả vốn ứng cho Nhà đầu tư (bản gốc).

- Văn bản của cấp có thẩm quyền cho phép Chủ đầu tư ứng trước vốn của Nhà đầu tư (bản gốc);

- Hợp đồng ứng vốn giữa Chủ đầu tư và Nhà đầu tư (bản gốc).

- Quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư dự án (bản sao).

c) Số lượng hồ sơ: 03 bộ.

Mục 3
HỖ TRỢ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT TRONG KHU,
CỤM CÔNG NGHIỆP

Điều 6. Hỗ trợ đầu tư hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, cụm công nghiệp theo hình thức xã hội hóa đầu tư

1. Nội dung và mức hỗ trợ: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 86/2018/NĐ-HĐND ngày 18/7/2018 của HĐND tỉnh.

Khuyến khích Nhà đầu tư quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình theo Luật Xây dựng để thuận lợi cho việc hỗ trợ kinh phí từ ngân sách Nhà nước.

2. Quy trình thực hiện:

a) Sau khi đầu tư xây dựng hoàn thành (dự án, công trình, hạng mục công trình độc lập hoàn thành) hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, cụm công nghiệp, Chủ đầu tư (Nhà đầu tư) lập hồ sơ đề nghị hỗ trợ vốn từ nguồn ngân sách nhà nước gửi về Sở Công Thương (trong đó, hệ thống xử lý môi trường, xử lý nước thải tập trung được xác định đầu tư hoàn thành trong giai đoạn đầu của dự án). Nguyên tắc hỗ trợ: chỉ thực hiện hỗ trợ khi khu, cụm công nghiệp đạt tỷ lệ lấp đầy tối thiểu 30%.

b) Sở Công Thương chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra, thẩm tra trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định mức hỗ trợ cụ thể.

3. Hồ sơ do Nhà đầu tư cung cấp:

a) Thành phần:

- Tờ trình đề nghị hỗ trợ theo Mẫu 1 ban hành kèm theo Quy định này;
- Văn bản xác nhận của Ban Quản lý Khu kinh tế, UBND cấp huyện về tỷ lệ lấp đầy tối thiểu 30%.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (bản sao);
- Quyết định thành lập khu, cụm công nghiệp; Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu, cụm công nghiệp (bản sao);
- Quyết định phê duyệt quy hoạch chi tiết khu công nghiệp, cụm công nghiệp (bản sao);
- Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường (bản sao);
- Hồ sơ thiết kế cơ sở kèm theo Giấy phép xây dựng (nếu có); bản vẽ thiết kế thi công và dự toán được duyệt (bản gốc); Hồ sơ hoàn công (bản gốc);
- Quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành (bản sao).
- Các hồ sơ, tài liệu có liên quan khác (nếu có).

b) Số lượng hồ sơ: 03 bộ.

Điều 7. Hỗ trợ nhà đầu tư đối với khu công nghiệp, cụm công nghiệp đã được ngân sách đầu tư (toàn bộ hoặc một phần) nay chuyển đổi sang hình thức xã hội hóa đầu tư và quản lý, khai thác, bảo trì

1. Nội dung và mức hỗ trợ: Thực hiện theo khoản 3, điều 8 Nghị quyết số 86/2018/NĐ-HĐND ngày 18/7/2018 của HĐND tỉnh.

2. Quy trình thực hiện:

a) Chủ đầu tư (Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, UBND cấp huyện)

Lập hồ sơ đề xuất chuyển đổi hình thức đầu tư dự án từ nguồn vốn ngân sách nhà nước sang hình thức xã hội hóa để huy động vốn ngoài nhà nước tiếp tục đầu tư hoàn chỉnh dự án: Căn cứ quyết định phê duyệt quyết toán công trình, hạng mục công trình độc lập hoàn thành (*đối với hạng mục chưa hoàn thành thì nghiệm thu theo điểm dừng kỹ thuật để quyết toán*) của cấp có thẩm quyền, tính giá trị khấu hao (nếu có), lập hồ sơ gửi Sở Tài chính; Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng và các cơ quan liên quan kiểm tra tham mưu UBND tỉnh xem xét, quyết định phương án cụ thể.

b) Đối với phần diện tích, hạng mục chưa được đầu tư, nhà đầu tư tiến hành đầu tư theo quy định và đề xuất hỗ trợ theo Điều 8, Quy định này.

Điều 8. Quản lý, khai thác, bảo trì khu công nghiệp, cụm công nghiệp do nhà nước đầu tư

Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, UBND cấp huyện, Sở Tài chính và các đơn vị liên quan xây dựng “cơ chế quản lý, khai thác, bảo trì” hạ tầng dùng chung trong, ngoài khu công nghiệp, cụm công nghiệp do Nhà nước đầu tư, tham mưu UBND tỉnh ban hành thực hiện.

Nguyên tắc, cơ chế quản lý: Đấu thầu quản lý, khai thác, bảo trì hạ tầng kỹ thuật dùng chung trong và ngoài khu, cụm công nghiệp.

Nguồn kinh phí hoạt động: Từ nguồn thu phí khai thác, sử dụng hạ tầng kỹ thuật dùng chung trong và ngoài khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

Điều 9. Hỗ trợ vay vốn tại Quỹ bảo vệ môi trường hoặc Quỹ đầu tư phát triển

1. Nội dung và mức hỗ trợ: Thực hiện theo điểm b, khoản 2, điều 8 và điểm a, khoản 2, điều 9, Nghị quyết số 86/2018/NĐ-HĐND ngày 18/7/2018 của HĐND tỉnh.

Khuyến khích Nhà đầu tư quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình theo Luật Xây dựng để thuận lợi cho việc hỗ trợ vay vốn từ Quỹ đầu tư Phát triển hoặc Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh.

2. Quy trình thực hiện:

Chủ đầu tư lập hồ sơ gửi về Quỹ đầu tư Phát triển hoặc Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh; Quỹ đầu tư phát triển hoặc Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh chủ trì phối

hợp với các cơ quan liên quan thẩm định, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định; Sau khi có Quyết định của UBND tỉnh, Quỹ đầu tư phát triển tỉnh hoặc Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh tiến hành ký hợp đồng, thực hiện giải ngân và thanh toán vốn vay theo quy định.

3. Hồ sơ

a) Thành phần:

- Tờ trình đề nghị hỗ trợ theo mẫu 1 được ban hành kèm theo Quy định này;

- Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (Bản sao nếu có);

- Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc giấy xác nhận đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường (bản sao);

- Quyết định phê duyệt dự án đầu tư; Hồ sơ thiết kế cơ sở kèm theo Giấy phép xây dựng (nếu có); bản vẽ thiết kế thi công và dự toán được duyệt;

- Cấp phép xả thải (bản sao);

- Các hồ sơ, tài liệu có liên quan khác (nếu có).

b) Số lượng: 03 bộ.

Mục 4

HỖ TRỢ DỰ ÁN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG KHU CÔNG NGHIỆP, CỤM CÔNG NGHIỆP

Điều 10. Hỗ trợ giá thuê mặt bằng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa đầu tư sản xuất kinh doanh trong khu, cụm công nghiệp

1. Nội dung và mức hỗ trợ: Theo quy định tại khoản 1, điều 9 Nghị quyết số 86/2018/NQ-HĐND ngày 18/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Quy trình thực hiện: Chủ đầu tư hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp lập hồ sơ đề nghị gửi Sở Công Thương; Sở Công Thương chủ trì, phối hợp Sở Tài chính và các cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định; Căn cứ quyết định của UBND tỉnh, Chủ đầu tư lập hồ sơ theo quy định gửi Sở Tài chính thẩm định, cấp kinh phí hỗ trợ thông qua: (i) Bù giá cho Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, cụm công nghiệp đối với khu công nghiệp, cụm công nghiệp được đầu tư theo hình thức xã hội hóa; (ii) Giảm trừ khi tính tiền thuê mặt bằng đối với khu công nghiệp, cụm công nghiệp được đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước.

Riêng đơn giá tính toán hỗ trợ tiền thuê mặt bằng đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa phải được nhà nước quản lý.

3. Hồ sơ

a) Thành phần:

- Văn bản đề nghị hỗ trợ của chủ đầu tư xây dựng hạ tầng, ghi rõ: Số tiền đề nghị hỗ trợ, số lượng, kèm theo danh sách các doanh nghiệp vừa và nhỏ đề nghị hỗ trợ.

- Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của dự án đầu tư sản xuất kinh doanh trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp (bản sao nếu có);

- Hợp đồng thuê mặt bằng trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp và hóa đơn giá trị gia tăng (bản sao).

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản trên đất (bản sao nếu có).

b) Số lượng: 03 bộ.

Điều 11. Hỗ trợ phát triển thị trường, quảng bá thông tin

1. Nội dung và mức hỗ trợ: Thực hiện theo quy định tại khoản 3, điều 9, Nghị quyết số 86/2018/NQ-HĐND ngày 18/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Quy trình thực hiện: Chủ dự án đầu tư sản xuất kinh doanh trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp lập văn bản đề nghị hỗ trợ gửi Sở Công Thương; Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra, tổng hợp trình UBND tỉnh xem xét quyết định; Căn cứ quyết định của UBND tỉnh, Sở Tài chính cấp kinh phí hỗ trợ cho các cơ quan truyền thông thực hiện các chương trình quảng cáo về sản phẩm sản xuất từ các dự án đầu tư trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp cho các cơ sở và thực hiện thanh quyết toán theo quy định.

Chương III

HỖ TRỢ ƯU ĐÃI ĐỐI VỚI CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ

Điều 12. Thủ tục cấp Giấy xác nhận ưu đãi đối với dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển

1. Đối tượng xác nhận ưu đãi: Thực hiện theo Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển ban hành kèm theo Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03/11/2015 của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ và Điều 10, Nghị quyết số 86/2018/NQ-HĐND ngày 18/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Quy trình thực hiện: Chủ đầu tư dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ lập hồ sơ đề nghị xác nhận ưu đãi gửi Sở Công Thương; Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra, cấp Giấy xác nhận ưu đãi theo quy định tại Thông tư số 55/2015/TT-BCT ngày 30/12/2015 của Bộ Công Thương về Quy định trình tự, thủ tục xác nhận ưu đãi và hậu kiểm ưu đãi đối với dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển.

3. Hồ sơ

a) Thành phần: Thực hiện theo quy định tại Khoản 2, điều 5, Thông tư số 55/2015/TT-BCT ngày 30/12/2015 của Bộ Công Thương.

b) Số lượng: 06 bản, gồm 01 bản chính và 05 bản sao.

Chương IV **HỖ TRỢ KHUYẾN CÔNG ĐỊA PHƯƠNG**

Điều 13. Xây dựng kế hoạch khuyến công địa phương

1. Nội dung và mức hỗ trợ: Thực hiện theo quy định tại khoản 3, điều 9, Nghị quyết số 86/2018/NQ-HĐND ngày 18/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Kế hoạch giai đoạn (5 năm): UBND cấp huyện lập danh mục các dự án, nhiệm vụ khuyến công địa phương dự kiến triển khai trên địa bàn với đầy đủ các thông tin về dự án, nhiệm vụ trong đó bao gồm cả việc hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên ngành, chuỗi giá trị, gửi Sở Công Thương (qua Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến Thương mại) tổng hợp báo cáo kế hoạch khuyến công giai đoạn trình UBND tỉnh phê duyệt.

3. Kế hoạch hàng năm: Trên cơ sở kế hoạch giai đoạn và danh mục đề xuất của UBND cấp huyện, kết quả tổng hợp của Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến Thương mại; Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với UBND cấp huyện khảo sát thực tế, đánh giá, tổng hợp trình UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch khuyến công địa phương hàng năm.

4. Hồ sơ trình UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch khuyến công địa phương, bao gồm:

- Tờ trình của Sở Công Thương đề nghị phê duyệt kế hoạch khuyến công.

- Dự thảo Quyết định phê duyệt kế hoạch khuyến công kèm theo Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch khuyến công của năm trước; mục tiêu và định hướng công tác khuyến công của năm kế hoạch; danh mục và kinh phí thực hiện các chương trình, đề án khuyến công.

Điều 14. Đề án khuyến công địa phương

1. Đơn vị lập đề án khuyến công địa phương:

Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại Hà Tĩnh chủ trì, phối hợp với đơn vị thụ hưởng và UBND cấp huyện lập đề án khuyến công địa phương.

2. Nội dung và mức hỗ trợ: Thực hiện theo quy định tại khoản 2, điều 12, Nghị quyết số 86/2018/NQ-HĐND ngày 18/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Đề án khuyến công có những nội dung chủ yếu sau:

- Đơn vị thực hiện, đơn vị phối hợp, đơn vị thụ hưởng, địa điểm thực hiện.

- Sự cần thiết và căn cứ của đề án.

- Mục tiêu: Nêu cụ thể những mục tiêu của đề án cần đạt được.

- Quy mô đề án: Nêu quy mô của đề án; nêu tóm tắt các đặc điểm vượt trội nội dung chính của đề án như về công nghệ, máy móc, sản phẩm hoặc nội dung khác đề xuất hỗ trợ.

- Nội dung và tiến độ: Xác định rõ nội dung công việc cần thực hiện và tiến độ thực hiện; tổ chức, cá nhân thực hiện theo các nội dung công việc.

- Dự toán kinh phí

- Tổ chức thực hiện: Nêu rõ phương án tổ chức thực hiện đề án.

- Hiệu quả của đề án: Nêu rõ hiệu quả về kinh tế, xã hội và môi trường, tính bền vững, khả năng nhân rộng (nếu có) của đề án sau khi kết thúc hỗ trợ.

4. Hồ sơ đề án khuyến công, bao gồm:

a) Văn bản đề nghị hỗ trợ của tổ chức, cá nhân thụ hưởng từ đề án theo mẫu 2 ban hành kèm theo Quy định này.

b) Đề án khuyến công địa phương (ký, đóng dấu của đơn vị lập đề án và đơn vị hưởng lợi).

c) Văn bản xác nhận của UBND cấp huyện về việc đề án chưa được hỗ trợ từ bất kỳ nguồn kinh phí nào của Nhà nước cho cùng một nội dung chi được kinh phí khuyến công hỗ trợ theo mẫu 3 ban hành kèm theo Quy định này.

d) Bản sao có chứng thực Hồ sơ tài chính hợp lệ (Hợp đồng, thanh lý hợp đồng, hóa đơn).

e) 2 ảnh kích thước 9x12 thể hiện nội dung chính cần hỗ trợ (như lớp học, máy móc...)

5. Số lượng hồ sơ đề án khuyến công: 02 bộ gốc.

Điều 15. Hỗ trợ đột xuất, điều chỉnh, bổ sung, ngừng triển khai đề án

1. Về hỗ trợ đột xuất: Khi có nội dung cần hỗ trợ kinh phí khuyến công đột xuất hoặc nhiệm vụ đột xuất được UBND tỉnh giao thì tổ chức, cá nhân lập hồ sơ, gửi Sở Công Thương thẩm định, trình UBND tỉnh quyết định.

2. Về điều chỉnh, bổ sung hoặc ngừng triển khai đề án khuyến công

- Trường hợp cần điều chỉnh, bổ sung hoặc ngừng triển khai đề án khuyến công, UBND cấp huyện lập văn bản gửi Sở Công Thương trước ngày 01/5 đối với đề án đợt 1 và trước 01/10 đối với đề án đợt 2.

- Sở Công Thương căn cứ tình hình thực tế, thống nhất phương án điều chỉnh, bổ sung hoặc ngừng triển khai đề án khuyến công với UBND cấp huyện và trình UBND tỉnh đồng thời với đề nghị phê duyệt đề án khuyến công đợt 2 hàng năm trong đó nêu rõ nguyên nhân, trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân có liên quan, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Trách nhiệm thực hiện

1. Trách nhiệm của Sở Công Thương

a) Làm đầu mối tổng hợp, giải quyết hoặc trình các cơ quan có thẩm quyền giải quyết các vấn đề phát sinh (nếu có) liên quan đến công tác thực hiện chính sách phát triển CN-TTCN trên địa bàn tỉnh.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục Thuế tỉnh và các sở, ban, ngành, địa phương tổ chức triển khai thực hiện Quy định này.

c) Xây dựng kế hoạch kinh phí hỗ trợ thông qua bố trí kinh phí sự nghiệp ngành công thương và làm thủ tục thanh quyết toán theo đúng quy định.

d) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện kiểm tra định kỳ, đột xuất, giám sát, báo cáo đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết; đảm bảo việc quản lý, sử dụng kinh phí chính sách phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả.

2. Trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương hướng dẫn Chủ đầu tư và các Nhà đầu tư đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp, các doanh nghiệp đầu tư sản xuất kinh doanh trong việc lập, thẩm định, phê duyệt các hồ sơ liên quan theo quy định của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật đầu tư công.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Công thương, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, UBND cấp huyện tham mưu bố trí vốn đầu tư công trung hạn và hằng năm theo quy định tại điều 2, Quyết định này để thực hiện hỗ trợ theo quy định của Nghị quyết số 86/2018/NQ-HĐND.

c) Chủ trì tham mưu bố trí nguồn tiền sử dụng đất hỗ trợ bồi thường GPMB để thực hiện chính sách hàng năm và trung hạn; lồng ghép nguồn kinh phí thực hiện chính sách từ các nguồn vốn, chương trình của các bộ, ngành trung ương.

3. Trách nhiệm của Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh bố trí và phân bổ vốn chi thường xuyên; phối hợp tham mưu bố trí lồng ghép nguồn kinh phí thực hiện chính sách từ các nguồn vốn, chương trình của các bộ, ngành trung ương.

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương liên quan hướng dẫn chủ đầu tư hạ tầng, doanh nghiệp được hỗ trợ lập hồ sơ, thủ tục, thanh quyết toán theo quy định.

4. Sở Xây dựng: Hướng dẫn thực hiện trình tự lập, phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng và hoạt động cấp phép xây dựng trong khu, cụm công nghiệp.

5. Sở Tài nguyên và Môi trường: Theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn thực hiện công tác bảo vệ môi trường khu, cụm công nghiệp. Rà soát, tổng hợp, công bố danh mục các khu, cụm công nghiệp gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trên địa bàn toàn tỉnh.

6. Công an tỉnh: Hướng dẫn, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về bảo đảm an ninh, trật tự, phòng cháy, chữa cháy tại các khu, cụm công nghiệp theo quy định.

7. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành liên quan: Các sở, ban, ngành liên quan, theo chức năng, nhiệm vụ được giao chịu trách nhiệm hướng dẫn các tổ chức, cá nhân liên quan trong quá trình thực hiện chính sách; Cung cấp các hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc xây dựng hồ sơ hỗ trợ theo Quy định này; Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật về tính chính xác của các tài liệu do đơn vị mình cung cấp.

8. Trách nhiệm của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh

- Tổng hợp đề xuất nhu cầu hỗ trợ kinh phí theo Nghị quyết số 86/2018/NQ-HĐND ngày 18/7/2018 của HĐND tỉnh cho các khu công nghiệp trên địa bàn.

- Phối hợp với các sở, ngành, địa phương trong việc quản lý nhà nước đối với các công trình hỗ trợ đầu tư trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp trong khu kinh tế.

9. Trách nhiệm của UBND cấp huyện: Chủ trì lập hồ sơ và thực hiện các trình tự hỗ trợ được giao, cung cấp các hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc xây dựng hồ sơ hỗ trợ theo Quy định này; Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật về tính chính xác của các tài liệu do đơn vị mình cung cấp; Kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách trên địa bàn quản lý theo quy định, định kỳ 06 tháng, năm báo cáo kết quả về Sở Công Thương để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

10. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã: Cung cấp các hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc xây dựng hồ sơ hỗ trợ theo Quy định này; Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật về tính chính xác của các tài liệu do đơn vị mình cung cấp.


11. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân được hưởng chính sách: Các tổ chức, cá nhân được hưởng kinh phí hỗ trợ chính sách từ ngân sách nhà nước: chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các hồ sơ, số liệu đề xuất hỗ trợ kinh phí; sử dụng kinh phí đúng mục đích, có hiệu quả, quản lý và hạch toán kế toán thống kê đúng quy định của pháp luật.

Điều 17. Điều khoản thi hành

1. Trong quá trình triển khai thực hiện Quy định này, nếu gặp khó khăn, vướng mắc, các tổ chức, cá nhân kịp thời có ý kiến bằng văn bản gửi Sở Công

Thương đề được phúc đáp, hướng dẫn; trường hợp vượt thẩm quyền, Sở Công Thương tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét, giải quyết.

2. Các văn bản dẫn chiếu tại Quy định này nếu có sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

3. Các đối tượng có Quyết định thành lập khu, cụm công nghiệp của cấp có thẩm quyền kể từ ngày 18/7/2018 trở đi thuộc diện hỗ trợ theo Nghị quyết số 86/2018/NQ-HĐND ngày 18/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh được xem xét, hỗ trợ theo hướng dẫn tại Quy định này. 

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

TÊN ĐƠN VỊ**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.....

Hà Tĩnh, ngày ... tháng ... năm 20...

TỜ TRÌNH**Đề nghị hỗ trợ kinh phí từ chính sách phát triển CN-TTCN tỉnh Hà Tĩnh
theo Nghị quyết số 86/2018/NQ-HĐND tỉnh ngày 18/7/2018**

Kính gửi:

- UBND tỉnh Hà Tĩnh;
- Sở Công Thương;
- Sở Tài Chính;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- UBND huyện/thị xã/thành phố;
- Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân

- Tên tổ chức cá nhân:
- Địa chỉ liên hệ:
- Điện thoại:..... Fax
- Email:.....Website
- Đại diện theo pháp luật: Họ tên, chức vụ.....
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số do cấp ngày....

II. Nội dung đề nghị hỗ trợ

Căn cứ Nghị quyết số 86/2018/NQ-HĐNDT tỉnh ngày 18/7/2018 của
-HĐND tỉnh Hà Tĩnh về một số chính sách phát triển công nghiệp, tiêu thủ công
nghiệp tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2025 và những năm tiếp theo, tổ chức
.....kính đề nghị UBND tỉnh, Sở Công Thương,
Sở Tài Chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư và(đơn vị liên quan) xem xét
hỗ trợ các nội dung, cụ thể như sau:

| STT | Nội dung đề nghị hỗ trợ (ghi chi tiết) | Căn cứ hỗ trợ (điểm, khoản, điều...) | Số tiền đề nghị hỗ trợ | Ghi chú |
|-----|-------------------------------------------|--------------------------------------------|---------------------------|---------|
| 1 | | | | |
| 2 | | | | |
| ... | | | | |
| | Tổng cộng | | | |

Bằng chữ

III. Các tài liệu, hồ sơ liên quan đến nội dung đề nghị hỗ trợ kèm theo, bao gồm:

1.
2.
3.

IV. Tỷ lệ lấp đầy của khu, cụm công nghiệp (diện tích đất công nghiệp đã cho thuê/diện tích đất công nghiệp có thể cho thuê):%

Tổ chức cá nhân cam kết những nội dung trên là đúng thực tế và chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ, tài liệu nói trên./.

Xác nhận của Ban QLKKT
tỉnh hoặc UBND cấp huyện
(ký tên, đóng dấu)

....., ngày ... tháng ... năm 20...
Người đại diện theo pháp luật của tổ chức
(ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

TÊN ĐƠN VỊ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

Hà Tĩnh, ngày ... tháng ... năm 20...

TỜ TRÌNH**Đề nghị hỗ trợ đề án khuyến công**

Kính gửi:

- Sở Công Thương;
- UBND huyện/thị xã/thành phố.

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân

- Tên tổ chức cá nhân:
- Địa chỉ liên hệ:
- Điện thoại:..... Fax
- Email:..... Website
- Đại diện theo pháp luật: Họ tên, chức vụ.....
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số do cấp ngày..... cấp lại lần thứ Ngày (nếu có).
- Địa điểm đầu tư kinh doanh:
- Ngành nghề sản xuất kinh doanh:.....
- Tài khoản số, tại ngân hàng
- Nội dung đề án

II. Nội dung đề nghị hỗ trợ

Căn cứ Nghị quyết số 86/2018/NQ-UBND tỉnh ngày 18/7/2018 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về một số chính sách phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2025 và những năm tiếp theo, tổ chức kính đề nghị UBND tỉnh, Sở Công Thương và các cơ quan liên quan xem xét hỗ trợ các nội dung, cụ thể như sau:

| TT | Tên đề án | Đơn vị thực hiện và thụ hưởng | Mục tiêu và nội dung chính | Dự kiến kết quả đạt được | Thời gian | | Tổng kinh phí thực hiện (Đã bao gồm VAT) | Trong đó | | Ghi chú |
|-----|-----------|-------------------------------|----------------------------|--------------------------|-----------------|------------------|------------------------------------------|---------------|----------------------------------------|---------|
| | | | | | Bắt đầu (tháng) | Kết thúc (tháng) | | Kinh phí KCĐP | Kinh phí đóng góp của đơn vị thụ hưởng | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) |
| | | | | | | | | | | |

III. Các tài liệu, hồ sơ liên quan đến nội dung hỗ trợ kèm theo, bao gồm:

1.
2.
3.

Tổ chức cá nhân cam kết những nội dung trên là đúng thực tế và chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ, tài liệu nói trên./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: ...

....., ngày ... tháng ... năm 20...

Người đại diện theo pháp luật của tổ chức
(ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN/THỊ XÃ/TP...**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.....

Hà Tĩnh, ngày ... tháng ... năm 20...

*V/v xác nhận đề án khuyến
công chưa được hỗ trợ từ bất
kỳ nguồn nào của Nhà nước*

Kính gửi: Sở Công Thương Hà Tĩnh

Căn cứ Nghị quyết số 86/2018/NQ-HĐND ngày 18/7/2018 của HĐND tỉnh Hà Tĩnh về một số chính sách phát triển công nghiệp; các quy định về quản lý kinh phí khuyến công trên địa bàn tỉnh, các văn bản pháp luật liên quan, UBND huyện xác nhận đề án “.....” của tổ chức, tại địa chỉ chưa được nhận hỗ trợ từ bất kỳ nguồn kinh phí nhà nước nào cho cùng một nội dung chi hỗ trợ đối với đề án nêu trên.

Để tiếp tục khuyến khích, hỗ trợ sản xuất, góp phần chỉnh dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, UBND huyện đề nghị UBND tỉnh, Sở Công Thương hỗ trợ kinh phí khuyến công cho đơn vị, địa chỉ với đề án “.....”.

Kính đề nghị UBND tỉnh, Sở Công Thương, xem xét, tổng hợp, hỗ trợ kinh phí khuyến công cho các tổ chức nêu trên./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT...